

-(으)ㄴ/는 바

điều mà, việc

Một danh từ trang trọng thay thế cho một sự việc, suy nghĩ hay phát biểu. Đây là dạng thay thế cho 것 trong phong cách văn viết, và xuất hiện khắp các báo cáo, hợp đồng và bài phát biểu.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Động từ, hiện tại	-는 바	알다 → 아는 바
Hành động đã hoàn thành	-(으)ㄴ 바	들은 바
Với 있다 / 없다	-(으)ㄴ 바 없다	들은 바 없습니다
Như đã nêu	-(으)ㄴ 바와 같이	앞서 말씀드린 바와 같이
Từ nổi trang trọng	-(으)ㄴ 바 — viết liền	검토한바 문제가 없었다
Cấu trúc khác	-(으)ㄴ 바에야	thà... còn hơn

Khi nào dùng

Hình thức tuân theo hệ thống định ngữ: động từ dùng -는 바, hành động đã hoàn thành dùng -(으)ㄴ 바. Gốc từ ㄹ lược bỏ ㄹ → 알다 thành 아는 바. 바 là danh từ nên viết cách.

Ba mẫu bao quát hầu hết các cách dùng. Làm cụm danh từ: 제가 아는 바로는, 느낀 바가 많다. Đi với 있다/없다: 들은 바 없습니다. Và làm -(으)ㄴ 바와 같이, nghĩa là “như đã nêu ở trên”.

Cách dùng thứ tư nối hai mệnh đề như một từ nổi trang trọng: 검토한바 문제가 없었습니다 — ở đây nó được viết liền, và thuộc về văn bản pháp lý và hành chính.

Đừng nhầm với -(으)ㄴ 바에야, một cấu trúc riêng có nghĩa “thà... còn hơn”.

Ví dụ trong câu

- 1

제가 아는 바로는 아직 결정되지 않았습니다.

Theo như tôi biết thì vẫn chưa có gì được quyết định.
- 2

그 건에 대해서는 들은 바 없습니다.

Tôi chưa hề nghe gì về vấn đề đó.
- 3

앞서 말씀드린 바와 같이 일정이 변경되었습니다.

Như đã nói ở trên, lịch trình đã thay đổi.
- 4

이번 경험을 통해 느낀 바가 많습니다.

Tôi đã rút ra được rất nhiều điều từ trải nghiệm này.
- 5

서류를 검토한바 특별한 문제는 없었습니다.

Sau khi xem xét tài liệu, chúng tôi không thấy vấn đề gì đặc biệt.
- 6

조사한 바에 따르면 원인은 단순한 실수였습니다.

Theo những gì chúng tôi tìm hiểu, nguyên nhân là một sai sót đơn giản.

So sánh với

것
것 là từ danh từ hóa dùng hằng ngày; 바 là dạng trang trọng tương ứng. Thay cái này bằng cái kia chỉ thay đổi phong cách.
아는 것이 없어요. (văn nói) / 아는 바가 없습니다. (trang trọng)

-다시피
Cả hai đều có thể mang nghĩa “như bạn đã biết”, nhưng -다시피 là đuôi gắn vào động từ, còn -(으)ㄴ 바와 같이 là một cụm danh từ.
아시다시피 / 말씀드린 바와 같이

-(으)ㄴ 바에야
Một cấu trúc riêng dùng chung danh từ này. Nó có nghĩa “thà... còn hơn”, gần với -느니.
아는 바가 없다. (tôi không biết gì) / 기다릴 바에야 겠겠다. (thà đi bộ còn hơn chờ)

Lưu ý

- ✗ 제가 아는 바로는 아직 결정되지 않았습니다.

○ 제가 아는 바로는 아직 결정되지 않았습니다.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ lược bỏ ㄹ trước -는, như ở mọi nơi trong hệ thống định ngữ.
- ✗ 그 건에 대해서는 들은바 없습니다.

○ 그 건에 대해서는 들은 바 없습니다.

Khi là cụm danh từ, 바 viết cách. Nó chỉ viết liền khi dùng như từ nổi trang trọng, như trong 검토한바.
- ✗ 아, 내가 아는 바로는 개 안 와.

○ 아, 내가 알기로는 개 안 와.

바 thuộc về phong cách trang trọng. Trong lời nói thân mật, 알기로는 hoặc 아는 걸로는 mới tự nhiên.